

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 1
MÔN: TIẾNG ANH 7 FRIENDS PLUS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Choose the word whose bold part is pronounced differently from others.

1. A. doctor B. actor C. know D. inventor
2. A. head B. wear C. ready D. easy
3. A. player B. tennis C. sister D. over

II. Choose the bold word that has a different stress pattern from the others. Write A, B, or C in the blank.

4. A. problem B. arrive C. lesson D. homework
5. A. animal B. dangerous C. exciting D. history

III. Choose the word or phrase that best completes each sentence.

6. Elephants are _____ than cats.

- A. bigger B. more big C. as big as

7. An hour has sixty _____.

- A. weeks B. minutes C. seconds

8. Marie Curie was the first female _____ of the Nobel prize for physics.

- A. artist B. writer C. winner

9. My sister _____ play the piano when she was 10.

- A. can B. could C. can't

10. His height is _____ mine; we are both 1.70 metres.

- A. as tall as B. like C. different from

11. What will you do if you _____ in a jungle?

- A. be B. will be C. are

12. You _____ start studying early for the exams. Don't wait until the last minute!

- A. must B. should C. mustn't

13. It's difficult to _____ some drinking water on a desert.

- A. find B. use C. avoid

14. Let's _____ the red apples on the trees.

- A. climb B. pick C. build

15. Children _____ go out with parents.

- A. must B. should C. shouldn't

IV. Listen to a talk about Taylor Swift. Choose the correct answer, A, B or C.

16. Who is Taylor Swift?

- A. A pop star. B. An actress. C. A scientist.

17. How old is she?

A. 20 years old. B. 23 years old. C. 25 years old.

18. How much should people pay to listen to her songs?

A. \$9 B. \$9.9 C. \$9.99

19. What did she think about Apple Music?

A. She didn't like it.

B. She loved it.

C. She had no idea about it.

20. What did she want Apple Music to do?

A. To upload songs.

B. To pay singers some money.

C. To design websites for singers.

V. Choose the option that best completes each blank in the passage. Write A, B, or C in the blank.

GPS and Survival

The USA (21) _____ the Global Positioning System (GPS) in the 1970s. At first, it was a military project, but now anyone can use the system to find out exactly their locations, and (22) _____ their movements.

For GPS to work, your receiver (or smartphone) must be in contact with four or more satellites in space. Then it uses the data to calculate the exact time and (23) _____ on Earth.

However, it is not enough for survival situations (escaping the jungles or deserts) because you must know your direction - which way you are moving and your speed - how (24) _____ you are moving. GPS provides this information, by tracking your position over time.

For modern explorers, a smartphone and GPS are as important as a compass, torch and a map. With the right applications, your (25) _____ will help you survive.

21. A. gave B. took C. invented

22. A. know B. track C. follow

23. A. position B. face C. way

24. A. far B. fast C. often

25. A. book B. bag C. smartphone

VI. Read the passage and decide whether each statement is True or False.

Albert Einstein was one of the most famous scientists of all time. He developed the special and general theories of relativity and made many other important discoveries.

Albert Einstein was born on March 14, 1879, in Germany. His father was a salesman and engineer and his mother was a housewife. Einstein had one sister, Maja, who was born two years after him. He didn't like studying at Luitpold Gymnasium in Munich. One teacher even told him that he would never get anywhere. At this time, Albert Einstein became interested in classical music and he learned to play the violin. He was also interested in science.

In the 1890s, Albert Einstein's family moved to Milan, Italy. Einstein started studying at the Swiss Federal Polytechnic School in Zurich. His years in Zurich were some of the happiest years of his life. He became friends with many other students and met his future wife, Mileva Maric, a physics student from Serbia.

26. Albert Einstein's mother is an engineer.

27. Albert Einstein was older than his sister.

28. He didn't enjoy learning at Luitpold Gymnasium in Munich.

29. Einstein couldn't play the violin.

30. He didn't have a wife.

VII. Rearrange the words in a correct order to make a complete sentence.

31. if / is / you / Will / on Sunday / go out / sunny / it ?

32. get / your parents / a good school report / if / be / you / Will / happy / ?

33. mustn't / You / a / make / fire / .

34. not / camp / We / near / should / river / the / .

35. use / not / mobile phones / should / We / class / in / .

VIII. Choose the best response to complete the conversation between Anna and Mike.

- Well, you can watch videos on Youtube.
- When did you learn how to dance like that?
- Well, you can find a friend to learn with you.
- It looks fun.
- What's the best way to learn?

Anna: That's amazing, Joe. (36) _____ ?

Mike: I had lessons at my old school. Do you like dancing?

Anna: I love it, but I'm no good. I really want to learn to dance salsa.

Mike: Yeah?

Anna: (37) _____ ?

Mike: It's probably best to have lessons. I'm sure there are lots of salsa classes.

Anna: Yeah, but I haven't got any time for lessons.

Mike: (38) _____.

Anna: I suppose so. But I need people to dance with. You can't dance salsa alone!

Mike: (39) _____.

Anna: That's a good idea.

Mike: I'd like to learn salsa. (40) _____.

-----**THE END**-----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. C

Kiến thức: Phát âm “o”**Giải thích:**

- A. doctor /'dɒktə(r)/: bác sĩ
- B. actor /'æktə(r)/: nam diễn viên
- C. know /nəʊ/: biết
- D. inventor /ɪn'ventə(r)/: người phát minh

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /əʊ/, các phương án còn lại phát âm /ə/.

Chọn C

2. D

Kiến thức: Phát âm “ea”**Giải thích:**

- A. head /hed/: cái đầu
- B. wear /weə(r)/: mặc
- C. ready /'redi/: sẵn sàng
- D. easy /'i:zi/: dễ dàng

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /i:/, các phương án còn lại phát âm /e/.

Chọn D

3. B

Kiến thức: Phát âm “e”**Giải thích:**

- A. player /'pleɪə(r)/: người chơi
- B. tennis /'tenɪs/: môn quần vợt
- C. sister /'sɪstə(r)/: chị/em gái
- D. over /'əʊvə(r)/: quá

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /e/, các phương án còn lại phát âm /ə/.

Chọn B

4. B

Kiến thức: Trọng âm**Giải thích:**

Nếu từ có 2 âm tiết: Động từ thường nhấn âm hai, danh từ/ tính từ thường nhấn âm một.

- A. problem /'prɒbləm/: vấn đề => Danh từ nhấn âm 1
- B. arrive /ə'raɪv/: đến => Động từ nhấn âm 2
- C. lesson /'lesn/: bài học => Danh từ nhấn âm 1

D. homework /'həʊmwɜ:k/: *bài tập* => Danh từ nhấn âm 1

Chọn B

5. C

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. animal /'æni:məl/: *động vật* => Nhấn âm 1

B. dangerous /'deɪndʒərəs/: *nguy hiểm* => Nhấn âm 1

C. exciting /ɪk'saɪtɪŋ/: *thú vị* => Nhấn âm 2

D. history /'hɪstri/: *lịch sử* => Nhấn âm 1

Chọn C

6. A

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

Đối với tính từ ngắn: S + to be + adj + er + than + Noun/ Pronoun

Đối với tính từ dài: S + to be + more + adj + than + Noun/ Pronoun

Từ “big” là tính từ ngắn => chọn “bigger”.

Elephants are **bigger** than cats.

(Con voi to hơn con mèo.)

Chọn A

7. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. weeks: *tuần*

B. minutes: *phút*

C. seconds: *giây*

An hour has sixty **minutes**.

(Một tiếng có 60 phút.)

Chọn B

8. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. artist: *họa sĩ*

B. writer: *nhà văn*

C. winner: *chiến thắng*

Marie Curie was the first female **winner** of the Nobel prize for physics.

(Marie Curie là người phụ nữ đầu tiên đoạt giải Nobel vật lý.)

Chọn C

9. B

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn

Giải thích:

Trong câu có từ “was” chia ở thì QKĐ => về trước cũng chia QKĐ => chọn “could”.

My sister **could** play the piano when she was 10.

(*Chị tôi có thể chơi piano khi cô ấy 10 tuổi.*)

Chọn B

10. A

Kiến thức: So sánh bằng

Giải thích:

Cấu trúc: S + V + as + adj/adv + as + N/Pronoun/Clause

Về sau có từ “both” => hai người cao bằng nhau => dùng cấu trúc so sánh bằng => chọn “as tall as”.

His height is **as tall as** mine; we are both 1.70 metres.

(*Chiều cao của anh ấy bằng tôi; cả hai chúng tôi đều cao 1,7 mét.*)

Chọn A

11. C

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích:

Cấu trúc: If + S + V(s/es), S + will + V bare

Dùng để dự đoán hành động, sự việc, tình huống có thể xảy ra trong tương lai.

Có “will”: dấu hiệu của câu If loại 1 => về If chia động từ thì hiện tại đơn => chọn “are”.

What will you do if you **are** in a jungle?

(*Bạn sẽ làm gì nếu bạn đang ở trong một khu rừng?*)

Chọn C

12. B

Kiến thức: Modal verb

Giải thích:

A. must: *phải (mang tính bắt buộc)*

B. should: *nên*

C. mustn't: *không phải (mang tính bắt buộc)*

You **should** start studying early for the exams. Don't wait until the last minute!

(*Bạn nên bắt đầu học sớm cho các kỳ thi. Đừng đợi đến phút cuối cùng!*)

Chọn B

13. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:A. find: *tìm thấy*B. use: *sử dụng*C. avoid: *tránh*It's difficult to **find** some drinking water on a desert.*(Thật khó để tìm thấy nước uống trên sa mạc.)*

Chọn A

14. B**Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**A. climb: *trèo*B. pick: *hái*C. build: *xây dựng*Let's **pick** the red apples on the trees.*(Cùng hái những quả táo đỏ trên cây nào.)*

Chọn B

15. B**Kiến thức:** Modal verb**Giải thích:**A. must: *phải (mang tính bắt buộc)*B. should: *nên*C. shouldn't: *không nên*Children **should** go out with parents.*(Trẻ em nên đi ra ngoài cùng cha mẹ.)***16. A****Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:****Thông tin:** "The U.S. pop star Taylor Swift has removed her best-selling album '1989' from Apple Music."*(Ngôi sao nhạc pop Hoa Kỳ Taylor Swift đã xóa album bán chạy nhất của cô '1989' khỏi Apple Music.)***Câu hỏi:** Who is Taylor Swift?*(Taylor Swift là ai?)*Đáp án: **A pop star** *(Ngôi sao nhạc pop)*

Chọn A

17. C**Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:**

Thông tin: “The 25-year-old singer-songwriter said she disagrees with the way Apple is giving her music away for free.”

(Ca sĩ kiêm nhạc sĩ 25 tuổi cho biết cô không đồng ý với cách Apple tặng nhạc của cô miễn phí.)

Câu hỏi: How old is she?

(Cô ấy bao nhiêu tuổi?)

Đáp án: **25 years old** (25 tuổi)

Chọn C

18. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Thông tin: “After the initial trial period, subscribers will pay a monthly fee of \$9.99.”

(Sau thời gian dùng thử ban đầu, người đăng ký sẽ trả phí hàng tháng là 9,99 đô la.)

Câu hỏi: How much should people pay to listen to her songs?

(Mọi người nên trả bao nhiêu để nghe các bài hát của cô ấy?)

Đáp án: **\$9.99**

Chọn C

19. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Thông tin: “Swift further outlined her criticism of Apple Music in her letter.”

(Swift đã vạch ra thêm những lời chỉ trích của cô ấy đối với Apple Music trong bức thư.)

Câu hỏi: What did she think about Apple Music?

(Cô ấy nghĩ gì về Apple Music?)

Đáp án: **She didn't like it.** (Cô ấy không thích nó.)

Chọn A

20. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Thông tin: “She told people that Apple had the money to pay artists for the three months. She said: “We know how astronomically successful Apple has been and we know that this incredible company has the money to pay artists....Three months is a long time to go unpaid, and it is unfair to ask anyone to work for nothing.”

(Cô ấy nói với mọi người rằng Apple có tiền để trả cho các nghệ sĩ trong ba tháng. Cô ấy nói: “Chúng tôi biết Apple đã thành công vượt bậc như thế nào và chúng tôi biết rằng công ty đáng kinh ngạc này có đủ tiền để trả cho các nghệ sĩ... Ba tháng là một thời gian dài để không được trả lương và thật không công bằng khi yêu cầu bất kỳ ai làm việc không công.”)

Câu hỏi: What did she want Apple Music to do?

(Cô ấy muốn Apple Music làm gì?)

Đáp án: **To pay singers some money.** (Trả tiền cho các ca sĩ)

Chọn B

Transcript:

The U.S. pop star Taylor Swift has removed her best-selling album '1989' from Apple Music. The 25-year-old singer-songwriter said she disagrees with the way Apple is giving her music away for free. Apple Music is Apple's new music streaming service that starts on June 30th. Anyone can sign up for a free trial and get the first three months without paying. Swift says this is wrong and that Apple should pay artists for these three months. After the initial trial period, subscribers will pay a monthly fee of \$9.99. She wrote an open letter suggesting that Apple was being greedy. She said: "We don't ask [Apple] for free iPhones. Please don't ask us to provide you with our music for no compensation."

Swift further outlined her criticism of Apple Music in her letter. She wrote: "I'm not sure you know that Apple Music will not be paying writers, producers, or artists for those three months." She added that it was very unlike Apple to be so "unfair," saying: "I find it to be shocking, disappointing, and completely unlike this historically progressive and generous company." She told people that Apple had the money to pay artists for the three months. She said: "We know how astronomically successful Apple has been and we know that this incredible company has the money to pay artists....Three months is a long time to go unpaid, and it is unfair to ask anyone to work for nothing."

Tạm dịch:

Ngôi sao nhạc pop Hoa Kỳ Taylor Swift đã xóa album bán chạy nhất của cô '1989' khỏi Apple Music. Ca sĩ kiêm nhạc sĩ 25 tuổi cho biết cô không đồng ý với cách Apple tặng nhạc của cô miễn phí. Apple Music là dịch vụ phát nhạc trực tuyến mới của Apple bắt đầu vào ngày 30 tháng 6. Bất kỳ ai cũng có thể đăng ký dùng thử miễn phí và dùng ba tháng đầu tiên mà không phải trả tiền. Swift nói rằng điều này là sai và Apple nên trả tiền cho các nghệ sĩ trong ba tháng này. Sau thời gian dùng thử ban đầu, người đăng ký sẽ trả phí hàng tháng là 9,99 đô la. Cô ấy đã viết một bức thư ngỏ gợi ý rằng Apple đang tham lam. Cô ấy nói: "Chúng tôi không yêu cầu [Apple] cung cấp iPhone miễn phí. Xin đừng yêu cầu chúng tôi cung cấp cho bạn âm nhạc mà không được đền bù."

Swift đã vạch ra thêm những lời chỉ trích của cô ấy đối với Apple Music trong bức thư. Cô ấy viết: "Tôi không chắc bạn có biết rằng Apple Music sẽ không trả tiền cho các nhà văn, nhà sản xuất hoặc nghệ sĩ trong ba tháng đó." Cô nói thêm rằng thật không giống Apple khi "không công bằng" như vậy: "Tôi thấy điều đó thật sốc, đáng thất vọng và hoàn toàn không giống với công ty tiên bộ và hào phóng trong lịch sử này." Cô ấy nói với mọi người rằng Apple có tiền để trả cho các nghệ sĩ trong ba tháng. Cô ấy nói: "Chúng tôi biết Apple đã thành công vượt bậc như thế nào và chúng tôi biết rằng công ty đáng kinh ngạc này có đủ tiền để trả cho các nghệ sĩ... Ba tháng là một thời gian dài để không được trả lương và thật không công bằng khi yêu cầu bất kỳ ai làm việc không công."

21. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. gave: *đưa ra*

B. took: *lấy*

C. invented: *phát minh*

Chọn C

22. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. know: *biết*

B. track: *theo dấu*

C. follow: *theo dõi*

Chọn B

23. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. position: *vị trí*

B. face: *mặt*

C. way: *đường*

Chọn A

24. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. far: *xa*

B. fast: *nhanh*

C. often: *thường xuyên*

Chọn B

25. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. book: *cuốn sách*

B. bag: *cái cặp*

C. smartphone: *điện thoại thông minh*

Chọn C

Đoạn văn hoàn chỉnh:

GPS and Survival

The USA (21) **invented** the Global Positioning System (GPS) in the 1970s. At first, it was a military project, but now anyone can use the system to find out exactly their locations, and (22) **track** their movements.

For GPS to work, your receiver (or smartphone) must be in contact with four or more satellites in space. Then it uses the data to calculate the exact time and (23) **position** on Earth.

However, it is not enough for survival situations (escaping the jungles or deserts) because you must know your direction - which way you are moving and your speed – how (24) **fast** you are moving. GPS provides this information, by tracking your position over time.

For modern explorers, a smartphone and GPS are as important as a compass, torch and a map. With the right applications, your (25) **smartphone** will help you survive.

Tạm dịch:

GPS và Sự sống

Hoa Kỳ đã phát minh ra Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS) vào những năm 1970. Lúc đầu, nó là một dự án quân sự, nhưng bây giờ bất kỳ ai cũng có thể sử dụng hệ thống để tìm ra chính xác vị trí của họ và theo dấu chuyển động của họ.

Để GPS hoạt động, máy thu (hoặc điện thoại thông minh) của bạn phải tiếp xúc với bốn hoặc nhiều vệ tinh trở lên trong không gian. Sau đó, nó sử dụng dữ liệu để tính toán thời gian và vị trí chính xác trên Trái đất.

Tuy nhiên, điều đó là chưa đủ cho các tình huống sinh tồn (thoát khỏi rừng rậm hoặc sa mạc) bởi vì bạn phải biết hướng của mình - bạn đang di chuyển theo hướng nào và tốc độ của bạn - bạn đang di chuyển nhanh như thế nào. GPS cung cấp thông tin này, bằng cách theo dấu vị trí của bạn theo thời gian.

Đối với những nhà thám hiểm hiện đại, điện thoại thông minh và GPS cũng quan trọng như la bàn, đèn pin và bản đồ. Với các ứng dụng phù hợp, điện thoại thông minh của bạn sẽ giúp bạn sống sót.

26. False

Kiến thức: Đọc hiểu

Thông tin: “His father was a salesman and engineer and his mother was a housewife.”

(Cha ông là một nhân viên bán hàng và kỹ sư, còn mẹ ông là một nội trợ.)

27. True

Kiến thức: Đọc hiểu

Thông tin: “Einstein had one sister, Maja, who was born two years after him.”

(Einstein có một em gái, Maja, sinh sau ông hai năm.)

28. True

Kiến thức: Đọc hiểu

Thông tin: “He didn’t like studying at Luitpold Gymnasium in Munich.”

(Ông ấy không thích học tại Luitpold Gymnasium ở Munich.)

29. False

Kiến thức: Đọc hiểu

Thông tin: “At this time, Albert Einstein became interested in classical music and he learned to play the violin.”

(Vào thời điểm này, Albert Einstein bắt đầu quan tâm đến âm nhạc cổ điển và ông đã học chơi vĩ cầm.)

30. False

Kiến thức: Đọc hiểu

Thông tin: “He became friends with many other students and met his future wife, Mileva Maric, a physics student from Serbia.”

(Ông kết bạn với nhiều sinh viên khác và gặp người vợ tương lai của mình, Mileva Maric, một sinh viên vật lý đến từ Serbia.)

Tạm dịch bài đọc:

Albert Einstein là một trong những nhà khoa học nổi tiếng nhất mọi thời đại. Ông đã phát triển thuyết tương đối hẹp và thuyết tương đối rộng, đồng thời thực hiện nhiều khám phá quan trọng khác.

Albert Einstein sinh ngày 14 tháng 3 năm 1879 tại Đức. Cha ông là một nhân viên bán hàng và kỹ sư, còn mẹ ông là một nội trợ. Einstein có một em gái, Maja, sinh sau ông hai năm. Ông ấy không thích học tại Luitpold Gymnasium ở Munich. Một giáo viên thậm chí còn nói với ông rằng ông sẽ không bao giờ đi đến đâu cả. Vào thời điểm này, Albert Einstein bắt đầu quan tâm đến âm nhạc cổ điển và ông đã học chơi vĩ cầm. Ông cũng quan tâm đến khoa học.

Vào những năm 1890, gia đình Albert Einstein chuyển đến Milan, Ý. Einstein bắt đầu học tại Viện Kỹ thuật liên bang Thụy Sĩ ở Zurich. Những năm ở Zurich là một trong những năm hạnh phúc nhất trong cuộc đời ông. Ông kết bạn với nhiều sinh viên khác và gặp người vợ tương lai của mình, Mileva Maric, một sinh viên vật lý đến từ Serbia.

31.

Kiến thức: Sắp xếp câu

Đáp án: **Will you go out if it is sunny on Sunday?**

(Bạn sẽ đi ra ngoài nếu trời nắng vào Chủ Nhật chứ?)

32.

Kiến thức: Sắp xếp câu

Đáp án: **Will your parents be happy if you get a good school report?**

(Bố mẹ bạn có vui không nếu bạn có kết quả học tập tốt?)

33.

Kiến thức: Sắp xếp câu

Đáp án: **You mustn't make a fire.**

(Bạn không được đốt lửa.)

34.

Kiến thức: Sắp xếp câu

Đáp án: **We should not camp near the river.**

(Chúng ta không nên cắm trại gần dòng sông.)

35.

Kiến thức: Sắp xếp câu

Đáp án: **We should not use mobile phones in class.**

(Chúng ta không nên sử dụng điện thoại di động trong lớp.)

36.

Kiến thức: Nghĩa của câu

Đáp án: **When did you learn how to dance like that?**

(Bạn học cách nhảy như vậy từ khi nào vậy?)

37.

Kiến thức: Nghĩa của câu

Đáp án: **What's the best way to learn?**

(Cách tốt nhất để học là gì nhỉ?)

38.

Kiến thức: Nghĩa của câu

Đáp án: **Well, you can watch videos on Youtube.**

(À, bạn có thể xem video trên Youtube.)

39.

Kiến thức: Nghĩa của câu

Đáp án: **Well, you can find a friend to learn with you.**

(Chà, bạn có thể tìm một người bạn để học cùng.)

40.

Kiến thức: Nghĩa của câu

Đáp án: **It looks fun.**

(Nó trông có vẻ thú vị.)

Đối thoại hoàn chỉnh:

Anna: That's amazing, Joe. **When did you learn how to dance like that?**

Mike: I had lessons at my old school. Do you like dancing?

Anna: I love it, but I'm no good. I really want to learn to dance salsa.

Mike: Yeah?

Anna: **What's the best way to learn?**

Mike: It's probably best to have lessons. I'm sure there are lots of salsa classes.

Anna: Yeah, but I haven't got any time for lessons.

Mike: **Well, you can watch videos on Youtube.**

Anna: I suppose so. But I need people to dance with. You can't dance salsa alone!

Mike: **Well, you can find a friend to learn with you.**

Anna: That's a good idea.

Mike: I'd like to learn salsa. **It looks fun.**

Tạm dịch:

Anna: Thật tuyệt vời, Joe. Cậu học cách nhảy như vậy từ khi nào vậy?

Mike: Tôi đã có những buổi học ở trường cũ. Cậu có thích khiêu vũ không?

Anna: Tôi thích, nhưng tôi không giỏi. Tôi thực sự muốn học nhảy salsa.

Mike: Thật à?

Anna: Cách tốt nhất để học là gì nhỉ?

Mike: Có lẽ tốt nhất là có những buổi học. Tôi chắc rằng có rất nhiều lớp salsa.

Anna: Đúng vậy, nhưng tôi không có thời gian cho các buổi học.

Mike: À, cậu có thể xem video trên Youtube.

Anna: Tôi mong là vậy. Nhưng tôi cần người nhảy cùng. Cậu không thể nhảy salsa một mình được!

Mike: Chà, cậu có thể tìm một người bạn để học cùng.

Anna: Đó là một ý kiến hay đấy.

Mike: Tôi muốn học salsa. Trông có vẻ thú vị.